

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2024/HC-PT

Ngày: 09/5/2024

*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong
lĩnh vực đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 908/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2023/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4844/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965;
- Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1986;
- Anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Bà T có mặt; anh H, anh H1 vắng mặt).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, anh H1, anh H: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 và ông Ngô Thành B, sinh năm 1977, Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Có mặt.

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành D - Chủ tịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V: Ông Vũ Chí G - Phó Chủ tịch; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh V: Ông Hoàng Văn Đ - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V; Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang N1 - Chủ tịch; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang N1 - Chủ tịch; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, chị H2: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H2 trình bày:

Gia đình bà có diện tích đất là 1.467,8m² ở thôn G, xã K (nay là tổ dân phố G, thị trấn K), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Số diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 658m² (trong đó có 300m² đất ở và 358m² đất trồng cây lâu năm), còn 809,8m² là đất tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất gia đình đã làm nhà, bếp, công trình phụ và trồng các loại cây cối hoa màu như cau vua, mía, nhãn, đào, táo, đu đủ... Ngày 25/6/2008, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2042/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng đường C - Lào Cai tại 03 huyện T, B, Lập Thạch. Căn cứ vào Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 25/6/2008, UBND tỉnh V và UBND huyện T đã ban hành các Quyết định sau:

- Quyết định 2612/QĐ- UBND ngày 03/9/2008 về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để lập phương án bồi thường GPMB dự án Xây dựng đường

Cao tốc Nội Bài - Lào Cai của UBND huyện T. Nội dung thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn C 342,4m² đất nông nghiệp; 80m² đất ở và 902,8m² đất vườn.

- Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trên địa bàn xã K và xã D, huyện T để thực hiện Tiểu Dự án GPMB xây dựng đường C - Lào Cai của UBND tỉnh V. Nội dung của Quyết định 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 là phê duyệt tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ đất và tài sản trên đất bị thu hồi trong đó có một phần liên quan đến việc bồi thường của hộ gia đình bà.

- Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung khi thu hồi đất tại các huyện L, B, T, Sông L thuộc tiểu dự án GPMB xây dựng đường C - Lào Cai.

- Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi thu hồi đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện T thuộc tiểu dự án GPMB xây dựng đường C - Lào Cai.

- Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án đường C - Lào Cai, đoạn qua địa phận tỉnh Vĩnh Phúc, địa điểm xã K, huyện T.

Các quyết định của UBND huyện T và UBND tỉnh V nêu trên đã có sai sót như sau:

Toàn bộ diện tích đất 1.467,8m² là đất gia đình bà sử dụng từ trước năm 1978 đến nay không có tranh chấp, là đất một thửa không bị ghép thửa, thể hiện trên bản đồ đều là đất thổ cư, trong hồ sơ địa chính xác định là đất ở. Nhưng Ban bồi thường GPMB đã tự chia tách thửa đất để bồi thường thành hai loại là đất ở 300m², đất nông nghiệp là 809,8m², trong khi đó pháp luật quy định đất ở thực tế lớn hơn so với kê khai vẫn được bồi thường là đất ở, nhưng các cơ quan không thực hiện quy định này dẫn đến đền bù cho gia đình bà 80m² theo giá đất ở, còn lại 902,8m² lại đền bù giá đất trồng cây lâu năm.

- Về bồi thường cây cối hoa màu trên đất năm 2012 mới tiến hành lên phương án bồi thường theo đơn giá của năm 2012 và toàn bộ cây cối hoa màu năm 2012 mới được đền bù, nhưng ban đền bù chỉ trả theo giá trị cây từ năm 2008 mà không tính độ tăng trưởng của cây, trong khi đó gia đình vẫn có công sức chăm sóc cây từ năm 2008 đến năm 2012.

- Hộ anh Nguyễn Quang H và hộ anh Nguyễn Quốc H1 là hai hộ gia đình độc lập đã nộp thuế đất đầy đủ từ năm 2007 nhưng hộ anh Nguyễn Quốc H1 không được nhận hỗ trợ khoản tiền như di chuyển nhà. Cả hai hộ anh H1 và anh H không được hỗ trợ tiền thuê nhà, tiền thưởng di chuyển nhà, tiền lương ăn.

Do không đồng ý việc bồi thường GPMB nên bà T, anh H, anh H1 đã nhiều lần khiếu nại đến UBND tỉnh và đề nghị giải quyết các nội dung sau:

- Bồi thường 809,8m² đất tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giá đất ở và được trả bằng đất.

- Bồi thường cây cối hoa màu trên đất bị thu hồi theo trị giá tăng trưởng của cây từ năm 2008 đến năm 2012.

- Hỗ trợ cho gia đình anh Nguyễn Quang H và Nguyễn Quốc H1 các khoản tiền di chuyển nhà, thuê nhà, tiền thưởng di chuyển nhà, tiền lương ăn 6 tháng theo quy định.

Ngày 18/12/2020, Chủ tịch UBND tỉnh V đã ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại sau:

- Quyết định số 3195/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Nguyễn Quang H ở thôn G, xã K, huyện T (lần đầu). Nội dung giải quyết khiếu nại của anh H đối với các Quyết định số 3283/QĐ-UBND, Quyết định số 459/QĐ-UBND, Quyết định số 723/QĐ-UBND, Quyết định số 1730/QĐ-UBND phần liên quan đến hỗ trợ cho anh H vì anh H cho rằng Nhà nước chưa hỗ trợ tiền di chuyển nhà và tiền thưởng di chuyển nhà theo quy định với lý do năm 2008 khi Nhà nước thu hồi đất ở và đất vườn của anh H là hộ gia đình riêng, hàng năm có nộp tiền thuế đất. Yêu cầu Nhà nước giải quyết hỗ trợ tiền chuyển nhà và tiền thưởng di chuyển nhà. Quyết định số 3195/QĐ-UBND đã không chấp nhận khiếu nại của anh H và giữ nguyên các quyết định anh H khiếu nại nêu trên;

- Quyết định số 3196/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Nguyễn Quốc H1 ở thôn G, xã K, huyện T (lần đầu). Nội dung giải quyết khiếu nại của anh H1 đối với các Quyết định số 3283/QĐ-UBND, Quyết định số 459/QĐ-UBND, Quyết định số 723/QĐ-UBND, Quyết định số 1730/QĐ-UBND phần liên quan đến hỗ trợ cho anh H1 vì anh H1 cho rằng tại các quyết định này nhà nước chưa hỗ trợ tiền di chuyển nhà và tiền thưởng di chuyển nhà theo quy định, với lý do năm 2008 khi Nhà nước thu hồi đất ở và đất vườn của anh H1 là hộ gia đình riêng, hàng năm có nộp tiền thuế đất. Yêu cầu Nhà nước giải quyết hỗ trợ tiền chuyển nhà và tiền thưởng di chuyển nhà. Quyết định số 3196 đã không chấp nhận khiếu nại của anh H1 và giữ nguyên các quyết định anh H1 khiếu nại nêu trên.

- Quyết định số 3197/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C ở thôn G, xã K, huyện T (lần đầu). Nội dung giải quyết khiếu nại của ông C đối với Quyết định số 3283/QĐ-UBND vì ông C cho rằng tại quyết định này nội dung liên quan đến bồi thường cây cối, hoa màu Nhà nước chưa tính theo sự tăng trưởng, phát triển lớn của cây trong 4 năm (từ năm 2008 đến năm 2012) vì năm 2008 Nhà nước thu hồi đất và lập, phê duyệt bồi thường, cây cối hoa màu nhưng đến năm 2012 gia đình mới nhận tiền bồi thường, bàn giao đất cho Nhà nước nên trong 4 năm gia đình chăm sóc cây cối hoa màu đã tăng trưởng phát triển lớn lên. Yêu cầu Nhà nước bồi thường, hỗ trợ theo độ tăng

trưởng của cây trong 4 năm. Quyết định số 3197/QĐ-UBND đã không chấp nhận khiếu nại của ông C và giữ nguyên các quyết định ông C khiếu nại nêu trên.

Đối với nội dung khiếu nại Quyết định 2612/QĐ-UBND, UBND tỉnh V đã giao cho Chủ tịch UBND huyện T giải quyết. Gia đình bà đã khiếu nại Quyết định số 2612/QĐ-UBND đến Chủ tịch UBND huyện T nhưng không được thụ lý giải quyết nên bà đã khởi kiện Quyết định số 2612/QĐ-UBND và không tiếp tục khiếu nại Quyết định 2612/QĐ-UBND nữa.

Từ những nguyên nhân trên bà là người khởi kiện và là đại diện theo ủy quyền của anh H, anh H1 và người liên quan ông C, chị H2 đề nghị: Rút yêu cầu khởi kiện Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 của UBND tỉnh V liên quan đến việc bồi thường bổ sung tiền thuê nhà cho anh H1, anh H.

Đề nghị Tòa án hủy các quyết định sau:

1. Một phần Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND huyện T, nội dung liên quan đến bồi thường đất ở và đất vườn của hộ ông C.

2. Một phần Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 của UBND tỉnh V liên quan đến việc bồi thường cho gia đình bà, anh H1 và anh H.

3. Một phần Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012 của UBND tỉnh V liên quan đến việc bồi thường cho gia đình bà, anh H1, anh H.

4. Một phần Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh V liên quan đến bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà, anh H, anh H1.

5. Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh V;

6. Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

7. Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

Tại Văn bản ngày 08/7/2021 người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh V và Chủ tịch UBND tỉnh V trình bày:

1. Bà Nguyễn Thị T (được chồng là ông Nguyễn Văn C ủy quyền) khiếu nại Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 của UBND nhân dân tỉnh V phần liên quan đến bồi thường cây cối khi thu hồi đất (đất ở và đất vườn) của ông Nguyễn Văn C và đề nghị Nhà nước bồi thường cây cối hoa màu trên diện tích đất bị thu hồi (đất ở và đất vườn) theo sự tăng trưởng độ lớn của cây (được gia đình chăm sóc từ năm 2008 đến năm 2012) vì phương án bồi thường Nhà nước lập năm 2008, nhưng đến năm 2012 gia đình bà Nguyễn Thị T mới nhận tiền bồi thường và bàn giao đất cho Nhà nước. Hồ sơ, tài liệu liên quan thể hiện: Năm 2008, khi thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đường C - Lào Cai, Nhà nước đã tiến hành kiểm đếm để lập phương án bồi thường, hỗ trợ

đối với đất, tài sản... và cây trồng của các chủ sử dụng đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất, cụ thể đối với ông Nguyễn Văn C như sau:

- *Việc thu hồi đất*: UBND tỉnh V có Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 25/6/2008 về việc thu hồi đất để lập phương án bồi thường GPMB xây dựng công trình đường C - Lào Cai và UBND huyện T ban hành Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 thu hồi 982,8m² đất thổ cư của hộ ông Nguyễn Văn C; trong đó đất ở 80m², đất vườn 902,8m².

- *Việc kiểm kê đối với cây trồng khi thu hồi đất*: Đối với chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn C (vợ là Nguyễn Thị T): Bản kê khai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất thể hiện: Các loại cây trên đất bị thu hồi gồm 17 loại cây như: Cau vua, M, N2, Đ1, T1, Đu đủ, C1... (trên diện tích đất thu hồi 1.467,8m², trong đó đất ở 300m², đất vườn 1.167,8m²). Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn C ngày 05/7/2008 thể hiện: Các loại cây trên đất bị thu hồi gồm 17 loại cây như nêu trên; Đối với chủ sử dụng đất Anh Nguyễn Quang H và Nguyễn Quốc H1 (02 con trai của bà T): Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất Anh Nguyễn Quang H và Nguyễn Quốc H1 (không ghi ngày, tháng, năm) thể hiện trên diện tích đất bị thu hồi không có cây. Anh H và anh H1 có Giấy uỷ quyền ngày 28/5/2008, nội dung: Đối với diện tích đất của anh H và anh H1, do các ông chưa lập gia đình và đi làm ăn xa nên uỷ quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn C được toàn quyền sử dụng và được hưởng mọi quyền lợi của nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

- *Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất*: Tiền bồi thường liên quan đến cây cối, hoa màu khi thu hồi đất (đất ở và đất vườn) của chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn C được phê duyệt tại Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 kèm Tờ trình số 397/TTr-STC ngày 09/9/2008 của Sở T2; theo đó ông Nguyễn Văn C được phê duyệt bồi thường về cây cối số tiền là 23.351.000 đồng (*trong tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ông C được phê duyệt là 358.842.258 đồng*); anh H và anh H1 không được phê duyệt tiền bồi thường về cây cối.

- *Việc chi trả và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ*: Căn cứ các quyết định phê duyệt, từ năm 2008 đến năm 2011, Ban quản lý dự án Công trình giao thông 2 - Sở G (BQLCTGT2) đã có thông báo để chi trả tiền cho gia đình ông C nhưng gia đình ông C không nhận; đến năm 2012, ông Nguyễn Văn C đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, thưởng giải phóng mặt bằng, tổng số tiền là 606.378.692 đồng, trong đó có tiền bồi thường về cây cối 23.351.000 đồng.

Như vậy, theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên

địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thì mức bồi thường, hỗ trợ (di chuyển, chặt hạ) đối với cây hàng năm được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch đó; mức bồi thường đối với cây lâu năm được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây (không bao hàm giá trị quyền sử dụng đất) theo đơn giá của địa phương thời điểm thu hồi đất.

Khi thu hồi đất của ông Nguyễn Văn C, các cơ quan chức năng của tỉnh đã tiến hành kiểm đếm theo quy định để lập và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó đơn giá tính bồi thường đối với cây trồng được phê duyệt theo đơn giá quy định của tỉnh tại thời điểm thu hồi đất năm 2008.

Trong quá trình thực hiện kiểm đếm để lập, phê duyệt, chi trả và khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ BQLCTGT2 và Hội đồng bồi thường, GPMB huyện T không nhận được ý kiến không đồng ý của hộ gia đình ông C về việc bồi thường cây trồng trên đất; việc ông Nguyễn Văn C đến năm 2012 mới nhận tiền bồi thường về cây trồng là do ông Nguyễn Văn C, không phải do Nhà nước không thực hiện chi trả hoặc chi trả không kịp thời.

Căn cứ quy định của pháp luật về khiếu nại, kết quả xác minh và hồ sơ tài liệu liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/12/2020; trong đó: Kết luận nội dung ông C khiếu nại là không có căn cứ để giải quyết và quyết định giữ nguyên Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008.

2. Anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 (*ủy quyền cho mẹ là bà Nguyễn Thị T*) khiếu nại đối với các Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008; Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012; Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012; Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 phân liên quan đến hỗ trợ cho anh H và anh H1 và đề nghị Nhà nước hỗ trợ cho anh H và anh H1 các khoản tiền hỗ trợ theo quy định khi thu hồi đất (*đất ở và đất vườn*) vì thời điểm năm 2008 khi Nhà nước thu hồi đất, các con trai bà T là hộ gia đình riêng, hàng năm có nộp tiền thuế đất.

Chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (thời điểm từ năm 2008 đến tháng 10/2012) được quy định tại Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 và được thay thế tại Quyết định số 18/2009/QĐ-UBND ngày 01/4/2009; Quyết định số 59/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 và Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh V ban hành quy định thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, cụ thể:

- Tại Điều 17, Mục 3 Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh V ban hành quy định thực hiện bồi thường, đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, quy định:

“1. Hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở trong phạm vi 3km hỗ trợ: 3.000.000đ/hộ; ngoài phạm vi 3km hỗ trợ: 4.000.000đ/hộ; di chuyển sang tỉnh khác hỗ trợ: 5.000.000đ/hộ.

3. Người bị thu hồi đất ở, không có chỗ ở khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong 06 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/hộ”.

- Tại Điều 23, Mục 3 Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh V ban hành quy định thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc quy định:

“1. Hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở trong phạm vi 3km được hỗ trợ: 4.000.000đ/hộ; di chuyển trên 3km được hỗ trợ: 5.000.000đ/hộ...

3. Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong 06 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/hộ...

5. Trường hợp tái định cư tại chỗ (không phải di chuyển sang nơi ở khác) nhưng phải tháo dỡ toàn bộ nhà ở chính thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hoặc làm nhà tạm trong 06 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/hộ”.

- Tại Điều 26, Mục 3 Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh V quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở... thì ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 40% giá đất ở của thửa đất đó. Diện tích hỗ trợ không quá 03 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương”.*

- Tại Điều 28, Mục 3 Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh V quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường và giao đất cho các dự án theo đúng thời gian và kế hoạch thì được hỗ trợ bằng hình thức thưởng giải phóng nhanh mặt bằng theo quy định...”.*

- Ngoài ra, trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án đường C - Lào Cai, UBND tỉnh ban hành một số văn bản khác để tháo gỡ, giải quyết một số nội dung như: Văn bản số 5368/UBND- NC1 ngày 16/12/2011; Văn bản số 2841/UBND- NC1 ngày 13/7/2012; Văn bản số 5566/UBND-NC1 ngày 28/02/2012; Văn bản số 417/UBND- NC1 ngày 21/02/2012; Văn bản số 315/UBND- NC1 ngày 15/02/2012; Văn bản số 1943/UBND-NC1 ngày 25/5/2012; Văn bản số 1938/UBND- CN1 ngày 25/5/2012...; trong đó tại Văn bản số 417/UBND-NC1 ngày 21/02/2012 có quy định: Đối với các hộ đã tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc diện được giao đất tái định cư nhưng đang ở chung nhà với bố mẹ, UBND tỉnh đồng ý

cho tiền hỗ trợ thuê nhà ở như đối với các hộ khác, nhưng không được hưởng hỗ trợ di chuyển nhà ở (vì không có nhà riêng).

- Đối với trường hợp anh Nguyễn Quang H:

+ *Việc thu hồi đất:* Theo GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn C thể hiện: Ngày 02/8/2007 đã tặng cho anh Nguyễn Quang H 70m² đất ở, 100m² đất vườn tại Quyết định số 1385/QĐ-UB ngày 02/8/2007 của UBND huyện T. Anh Nguyễn Quang H được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số H03692/QSDĐ/1385/QĐ-UBND ngày 02/8/2007. Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 thu hồi 170,0m² đất thổ cư của hộ anh Nguyễn Quang H trong đó đất ở 70m², đất vườn 100m².

+ *Về hộ gia đình; kiểm kê nhà trên đất thu hồi:*

Về hộ gia đình: Trong Sổ hộ khẩu ngày 01/7/2007 của hộ gia đình bà T thể hiện: Chủ hộ là ông Nguyễn Văn C, vợ là bà Nguyễn Thị T, con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Khắc Đ2. Xác minh tại Công an xã K ngày 27/10/2020 thể hiện: Năm 2007 Công an xã K đăng ký thường trú cho hộ ông Nguyễn Văn C, tại sổ đăng ký thường trú gồm chủ hộ là ông Nguyễn Văn C, vợ là bà Nguyễn Thị T và 04 người con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Khắc Đ2; đến ngày 10/12/2010, hộ ông C xin tách hộ cho con trai đầu là Nguyễn Quang H là chủ hộ. Đến ngày 07/10/2016, hộ ông C xin tách hộ cho con trai thứ hai là Nguyễn Quốc H1 là chủ hộ. Giấy ủy quyền ngày 10/8/2015 của anh Nguyễn Quang H thể hiện: Năm 2008, anh H chưa lập gia đình.

Về nhà trên đất bị thu hồi: Đối với chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang H: Tại bản Kế khai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang H và trong Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi và các thông tin phù hợp khác của chủ hộ đối với chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang H có chữ ký xác nhận của anh H, thể hiện: Trên diện tích đất bị thu hồi của anh Nguyễn Quang H không có nhà.

+ *Các khoản hỗ trợ được phê duyệt và việc chi trả tiền hỗ trợ:* Anh Nguyễn Quang H được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 60.100.000 đồng, trong đó tiền hỗ trợ là 21.100.000 đồng, gồm các khoản: Tiền thuê nhà 12.000.000 đồng (Quyết định số 723/QĐ-UBND) ngày 27/3/2012; tiền thưởng GPMB nhanh 1.600.000 đồng (Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008); tiền giếng khoan 7.500.000 đồng (Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 của UBND tỉnh); anh H không được hỗ trợ các khoản tiền di chuyển và thưởng di chuyển nhà. Năm 2012 anh H đã nhận 54.600.000 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ, trong đó đã bao gồm khoản tiền hỗ trợ được duyệt nêu trên.

Như vậy, thời điểm UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất của anh Nguyễn Quang H, anh H đã được bố mẹ cho đất và tách quyền sử dụng đất từ năm 2007, nhưng chưa tách hộ khẩu và thuộc nhân khẩu trong sổ hộ khẩu do ông

Nguyễn Văn C là chủ hộ. Nhà nước đã hỗ trợ cho anh H đảm bảo đúng chế độ, chính sách theo quy định, việc anh H không được hỗ trợ tiền di chuyển nhà và tiền thưởng di chuyển nhà là do thời điểm thu hồi đất trên diện tích đất bị thu hồi của anh H không có nhà ở nên không được hỗ trợ.

Căn cứ quy định của pháp luật về khiếu nại, kết quả xác minh và hồ sơ tài liệu liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 18/12/2020, trong đó: Kết luận nội dung anh H khiếu nại là không có căn cứ để giải quyết và quyết định giữ nguyên Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008, Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012, Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 và Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh V.

- Đối với trường hợp anh Nguyễn Quốc H1:

Việc thu hồi đất: GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn C thể hiện: Ngày 02/5/2007 đã tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Quốc H1 với diện tích 315m² (150m² đất ở và 165m² đất vườn) tại Quyết định số 582/QĐ-UB ngày 02/5/2007. Anh Nguyễn Quốc H1 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03628/QSDĐ/582/QĐ-UBND ngày 02/5/2007. Quyết định số 8670/QĐ-UBND ngày 31/12/2011 của UBND huyện T: Thu hồi 315,0m² đất thổ cư trong đó: Đất ở 150m² và 165m² đất vườn của hộ anh Nguyễn Quốc H1.

Về hộ gia đình; kiểm kê nhà trên đất thu hồi:

Về hộ gia đình: Trong Sổ hộ khẩu ngày 01/7/2007 của hộ gia đình bà T thể hiện: Chủ hộ là ông Nguyễn Văn C, vợ là bà Nguyễn Thị T, con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Khắc Đ2. Xác minh tại Công an xã K ngày 27/10/2020 thể hiện: Năm 2007, Công an xã K đăng ký thường trú cho hộ ông Nguyễn Văn C tại sổ đăng ký thường trú số 01, tờ số 71 gồm Chủ hộ là ông Nguyễn Văn C, vợ là bà Nguyễn Thị T và 04 người con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Khắc Đ2; đến ngày 10/12/2010, hộ ông C xin tách hộ cho con trai đầu là Nguyễn Quang H là chủ hộ tại sổ đăng ký thường trú số 03, tờ số 01; đến ngày 07/10/2016, hộ ông C xin tách hộ cho con trai thứ 2 là Nguyễn Quốc H1, chủ hộ tại sổ đăng ký thường trú số 03, tờ số 47.

Về nhà trên đất bị thu hồi: Đối với chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn C: Tại bản Kế khai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn C và trong Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi và các thông tin phù hợp khác của chủ hộ đối với chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn C có chữ ký xác nhận của ông C, thể hiện trên diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Văn C có 01 nhà cấp 4 (01 tầng, mái ngói, tường xây gạch chỉ) và 01 nhà cấp 4 (01 tầng). Đối với chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quốc H1: Tại bản Kế khai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quốc H1 và trong Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu

hồi và các thông tin phù hợp khác của chủ hộ đối với chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quốc H1 có chữ ký xác nhận của anh H1, thể hiện trên diện tích đất bị thu hồi của anh H1 không có nhà. Giấy ủy quyền ngày 10/8/2015 của anh Nguyễn Quốc H1 thể hiện: Năm 2008, anh H1 chưa lập gia đình; bố mẹ anh H1 là ông C, bà T đã làm nhà và một số hoa màu khác trên đất của anh H1; anh H1 uỷ quyền cho bố mẹ để được toàn quyền sử dụng và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Các khoản hỗ trợ được phê duyệt và việc chi trả tiền hỗ trợ: Anh Nguyễn Quốc H1 được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 104.793.673 đồng; trong đó tiền hỗ trợ là 28.830.000 đồng gồm các khoản: Tiền di chuyển 4.000.000 đồng (Quyết định số 459/QĐ-UBND); tiền thuê nhà 12.000.000 đồng (gồm Quyết định số 459/QĐ-UBND: 12.000.000 đồng, Quyết định số 723/QĐ-UBND: 12.000.000 đồng và Quyết định số 1730/QĐ-UBND thu hồi lại 12.000.000 đồng); tiền thưởng di chuyển nhà 2.000.000 đồng (Quyết định số 459/QĐ-UBND); tiền thưởng GPMB nhanh 3.330.000 đồng (Quyết định số 3283/QĐ-UBND); tiền giếng khoan 7.500.000 đồng (Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 của UBND tỉnh). Năm 2012, anh H1 (do bà Nguyễn Thị T nhận thay) đã nhận 93.993.637 đồng, trong đó đã bao gồm khoản tiền hỗ trợ được duyệt nêu trên.

Như vậy, thời điểm UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất của anh Nguyễn Quốc H1, anh H1 đã được bố mẹ để cho đất và tách quyền sử dụng đất từ năm 2007 nhưng chưa tách hộ khẩu và thuộc nhân khẩu trong sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Văn C là chủ hộ. Nhà nước đã hỗ trợ cho anh H1 đảm bảo đúng chế độ, chính sách theo quy định và trong đó đã vận dụng theo hướng có lợi cho công dân (trên đất thu hồi của ông C có 02 nhà, trong đó vận dụng tính 01 nhà trên đất thu hồi của anh H1 để phê duyệt hỗ trợ cho anh H1 tiền di chuyển nhà và tiền thưởng di chuyển nhà).

- Căn cứ quy định của pháp luật về khiếu nại, kết quả xác minh và hồ sơ tài liệu liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 18/12/2020, trong đó: Kết luận nội dung anh H1 khiếu nại là không có căn cứ để giải quyết và quyết định giữ nguyên Quyết định số 3283/QĐ-UBND, Quyết định số 459/QĐ-UBND, Quyết định số 723/QĐ-UBND, Quyết định số 1730/QĐ-UBND.

Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T trình bày:

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008: Ngày 25/6/2008, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2042/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng xây

dựng đường C - Lào Cai; Ban Q- Sở G (BQLDACTGT2) đã phối hợp với Hội đồng bồi thường GPMB huyện T, UBND xã K tiến hành kiểm đếm đất đai, tài sản trên đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, vợ là Nguyễn Thị T ở thôn G, xã K, huyện T.

Trên cơ sở hồ sơ và Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 30/7/2008 của UBND xã K, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2612/QĐ-UBND, nội dung thu hồi 342,4m² đất nông nghiệp và 982m² đất thổ cư (gồm 80m² đất ở và 902m² đất vườn) của hộ ông Nguyễn Văn C, thường trú tại thôn G, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

BQLDACTGT2 đã phối hợp với Hội đồng bồi thường GPMB huyện T, UBND xã K tiến hành lập phương án bồi thường GPMB tái định cư, trình Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Theo hồ sơ, gia đình đã nhận tiền bồi thường GPMB và được giao đất tái định cư theo đúng quy định.

Như vậy, toàn bộ quy trình thu hồi đất và chế độ chính sách về bồi thường GPMB tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường C -Lào Cai đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà T:

Sau khi nhận được Đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T về việc khiếu nại một phần Quyết định số 2612/QĐ- UBND ngày 03/9/2008, Chủ tịch UBND huyện T đã tổ chức rà soát và có Thông báo số 156/TB-UBND ngày 05/7/2021 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại, lý do như sau:

+ Nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T đã hết thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9, Luật Khiếu nại năm 2011.

+ Nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T đã được bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và được Tòa án thụ lý tại vụ án hành chính số 11/2021/TLST-HC ngày 07/6/2021.

Quan điểm của UBND huyện T: Nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND huyện T là không có cơ sở giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xem xét, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và giữ nguyên Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND huyện T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 3283/QĐ- UBND, Quyết định số 459/QĐ-UBND, Quyết định số 1730/QĐ-UBND (nội dung liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông C, hộ anh H, hộ anh H1) và một phần Quyết định số 2612/QĐ-UBND (nội dung liên quan đến thu hồi thửa đất số 70, tờ bản đồ số 12, diện tích là 982,8m², trong đó 80m² đất ở và 902,8m² đất trồng cây lâu năm); giữ nguyên yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 3195/QĐ-UBND, Quyết định số 3196/QĐ-UBND, Quyết định số 3197/QĐ-UBND; xin rút yêu cầu khởi

kiện đề nghị hủy Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2023/HC-ST ngày 27/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi thu hồi đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện T thuộc tiểu dự án giải phóng mặt bằng xây dựng đường C - Lào Cai.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 về việc đề nghị hủy một phần các Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/09/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T (nội dung liên quan đến bồi thường đất ở và đất vườn của hộ ông Nguyễn Văn C); Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh V; Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh V; Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh V (các nội dung liên quan đến bồi thường đất ở và đất trồng cây lâu năm; bồi thường cây cối trên đất; hỗ trợ di dời trong các Quyết định trên đối với hộ gia đình ông C và bà T, anh H, anh H1); Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của anh Nguyễn Quang H; Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của anh Nguyễn Quốc H1; Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2023, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người khởi kiện là anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; người bị kiện là UBND tỉnh V, Chủ tịch UBND tỉnh V, UBND huyện T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, nhất trí với quan điểm của luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi

phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bà T có 04 người con, trong đó có anh Đ2 nhưng không đưa anh Đ2 vào tham gia tố tụng, còn chị H2 gần đến ngày xét xử sơ thẩm mới bảo chị H2 ủy quyền cho bà T; việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 đảm bảo đúng quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật và không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với việc kháng cáo của anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1: Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh H1 và anh H nhưng anh H1, anh H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, việc anh H1, anh H vắng mặt tại phiên tòa được coi là từ bỏ kháng cáo. Căn cứ Điều 229 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh H1 và anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người bị kiện là UBND tỉnh V, Chủ tịch UBND tỉnh V, UBND huyện T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn

Văn C và chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

- Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H và anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Như vậy, việc anh H và anh H1 vắng mặt được coi là từ bỏ kháng cáo. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 225, Điều 229, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết đối với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

- Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 14/01/2021, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên hủy các Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND huyện T; Quyết định 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008, Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012, Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012, Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh V và các Quyết định số 3195, 3196, 3197/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh V. Đây là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại các Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 3283/QĐ-UBND, Quyết định số 459/QĐ-UBND, Quyết định số 1730/QĐ-UBND (nội dung liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông C, hộ anh H, hộ anh H1) và một phần Quyết định số 2612/QĐ-UBND (nội dung liên quan đến thu hồi thửa đất số 70, tờ bản đồ số 12, diện tích là 982,8m², trong đó 80m² đất ở và 902,8m² đất trồng cây lâu năm); vẫn giữ yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 3195/QĐ-UBND, Quyết định số 3196/QĐ-UBND, Quyết định số 3197/QĐ-UBND; đồng thời xin rút yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện không vượt quá nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Tòa án cấp sơ

thẩm đã chấp nhận xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính nêu trên là đúng quy định và đã áp dụng Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bổ sung kinh phí khi thu hồi đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện T thuộc tiểu dự án GPMB xây dựng đường C - Lào Cai là có căn cứ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C có diện tích đất là 1.467,8m² ở thôn G, xã K (nay là tổ dân phố G, thị trấn K), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo GCNQSDĐ số phát hành C537584 do UBND huyện T cấp ngày 17/01/1994 cho ông Nguyễn Văn C thì diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ là 658m² (trong đó có 300m² đất ở và 358m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 70 tờ bản đồ 12; còn 809,8m² là đất tăng thêm chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 2007 ông C, bà T tặng cho con trai là anh Nguyễn Quốc H 315m² (trong đó có 150m² đất ở và 165m² đất trồng cây lâu năm), tặng cho anh Nguyễn Quang H 170m² (trong đó có 70m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm). Ngày 02/5/2007, anh Nguyễn Quốc H1 đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành AB 817523 và ngày 02/8/2007 anh Nguyễn Quang H được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành AB 910129 đối với phần diện tích đất được tặng cho nêu trên. Vợ chồng ông C, bà T còn lại 80m² đất ở, 93m² đất trồng cây lâu năm và diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm. Trên đất gia đình đã làm nhà, bếp, công trình phụ và trồng các loại cây cối hoa màu như cau vua, mía, nhãn, đào, táo, đu đủ....

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/09/2008 của UBND huyện T:

- Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành quyết định.

Dự án xây dựng đường C - Lào Cai được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Văn bản 1643/TTg-KTN ngày 03/11/2007, Bộ G1 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 3415/QĐ-BGTVT ngày 05/11/2007 (giai đoạn 1). Dự án được Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế theo khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai 2003. Ngày 25/6/2008, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2042/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để lập phương án bồi thường GPMB công trình: Đường C - Lào Cai đoạn qua xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 05/7/2008, Ban Q - Sở Giao thông vận tải tỉnh V đã phối hợp với Hội đồng bồi thường GPMB huyện T, UBND xã K tiến hành kiểm đếm đất đai, tài sản trên đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn C.

Trên cơ sở hồ sơ và Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 30/7/2008 của UBND xã K; Ngày 03/9/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2612/QĐ-UBND thu hồi 342,4m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và 982,8m² (trong đó có 80m² đất ở và 902,8m² đất trồng cây lâu năm) của hộ ông Nguyễn Văn C.

Như vậy, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 là đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 34; Điều 49, Điều 51, Điều 52 và Điều 53 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

- Về nội dung Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND huyện T:

Về căn cứ thu hồi đất: Ngày 25/6/2008, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2042/QĐ-UBND thu hồi 2.766.181,1m² đất tại 03 huyện T, B và Lập Thạch. Ngày 03/9/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 về việc thu hồi đất đối với các hộ dân. Theo Quyết định thu hồi đất số 2612/QĐ-UBND thì hộ ông C bị thu hồi 342,4m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và 982,8m² (trong đó có 80m² đất ở và 902,8m² đất trồng cây lâu năm).

Tại Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi dự án đường C - Lào Cai do Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện T lập ngày 05/7/2008 có chữ ký xác nhận của đại diện gia đình là ông Nguyễn Văn C xác định tài sản bị ảnh hưởng, trong đó: Đất ở là 80m² và đất vườn là 902,8m² tại tờ bản đồ số 12, thửa số 70 (bản đồ địa chính), thửa số 137 (bản đồ quy hoạch) tăng so với diện tích đất trong GCNQSDĐ, số vào sổ C537584 là 809,8m² (phần diện tích đất tăng thêm này UBND xã K và gia đình xác nhận không lấn chiếm và không tranh chấp với ai).

Như vậy, theo GCNQSDĐ số C537584 ngày 17/01/1994 do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Văn C, xác định thửa số 70, tờ bản đồ 12, diện tích 300m² đất thổ cư và 358m² đất vườn tại thôn G, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là huyện T). Năm 2007, vợ chồng ông C tặng cho anh Nguyễn Quốc H1 315m² đất (trong đó có 150m² đất ở và 165m² đất vườn), tặng cho anh Nguyễn Quang H 170m² đất (trong đó có 70m² đất ở và 100 m² đất vườn), nên diện tích đất còn lại của vợ chồng ông C là 80m² đất ở và 902,8m² đất vườn. Quá trình sử dụng đất vợ chồng ông C không làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất của diện tích đất vườn sang đất ở. Khi thực hiện Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 25/6/2008 của UBND tỉnh V, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư

huyện T đã phối hợp với UBND xã K và các cơ quan có liên quan cùng gia đình ông C tiến hành kiểm kê đất, diện tích đất của hộ ông C là 1.467,8m², tăng so với diện tích được cấp trong GCNQSDĐ số C537584 là 809,8m², phần diện tích tăng không có tranh chấp với ai và không phải là đất do lấn chiếm mà có. Do vậy, toàn bộ phần diện tích đất tăng thêm này công nhận quyền sử dụng cho hộ ông C là có căn cứ. Ngày 05/7/2008, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện T đã xác định diện tích đất của vợ chồng ông C tại thửa 70 (tờ bản đồ địa chính), thửa 137 (bản đồ quy hoạch), tờ bản đồ địa chính số 12 gồm 80m² đất ở và 902,8m² đất vườn là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, khoản 2 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ và khoản 1 Điều 15 Bản quy định về giao đất xây dựng nhà ở, hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 49/2007/QĐ-UBND ngày 14/8/2007 của UBND tỉnh V.

Căn cứ Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi; Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 30/7/2008 của UBND xã K; Ngày 03/9/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2612/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn C, theo đó: Thu hồi 342,4m² đất nông nghiệp thuộc các thửa 395^B, 382c, 382b, 382a đều thuộc tờ bản đồ số 10; 80m² đất ở và 902,8m² đất vườn; tổng là 982,8m² (trong chỉ giới) tại thửa số 70 tờ bản đồ địa chính số 12 là có căn cứ. Tuy nhiên, tại Điều 1 của Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND huyện T phần tiêu đề có ghi “*thu hồi 982,8m² đất thổ cư của hộ ông Nguyễn Văn C*” là không đúng về loại đất theo quy định tại Điều 13 Luật đất đai năm 2003 (trong quy định của Luật đất đai không có khái niệm đất thổ cư), nhưng phần cụ thể đất thu hồi trong cùng Điều 1 của Quyết định này đã nêu rõ diện tích đất thu hồi là 80m² đất ở và 902,8m² đất vườn. Vì vậy sai sót này không ảnh hưởng đến giá trị bồi thường về đất cho hộ ông C. Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND huyện T chi tiền bồi thường cho gia đình ông C 80m² đất ở và 902,8m² đất vườn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/09/2008 của UBND huyện T về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008, Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012, Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh V.

[2.3.1]. Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3283/QĐ-UBND (phần liên quan đến bồi thường cây cối, hoa màu khi thu hồi đất) vì phương án

bồi thường không bồi thường cây cối hoa màu trên diện tích đất bị thu hồi theo sự tăng trưởng độ lớn của cây (được gia đình chăm sóc từ năm 2008 đến năm 2012). Xét thấy:

Bản kê khai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn C thể hiện: Các loại cây trên đất bị thu hồi gồm 17 loại cây như: Cau vua, mía, nhãn, đào, táo, đu đủ, chuối... (trên diện tích đất thu hồi 1.467,8m², trong đó đất ở 300m², đất vườn 1.167,8m²). Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn C ngày 05/7/2008 thể hiện: Các loại cây trên đất bị thu hồi gồm 17 loại cây như: Mía, nhãn, đào, táo, đu đủ, chuối, xoài, bưởi, mít... (trên diện tích đất thu hồi 982,8m², trong đó đất ở 80m², đất vườn 902,8m²);

Đối với chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 (con trai ông C, bà T): Tại Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 thể hiện trên diện tích đất bị thu hồi không có cây. Ngày 28/5/2008, anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 lập giấy ủy quyền có nội dung: Đối với diện tích đất của anh H và anh H1 do các ông chưa lập gia đình và đi làm ăn xa nên ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn C được toàn quyền sử dụng và được hưởng mọi quyền lợi của Nhà nước theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 11/9/2008, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 3283/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trên địa bàn xã K và xã D, huyện T để thực hiện tiểu dự án GPMB xây dựng đường C - Lào Cai, theo đó, hộ ông C, bà T được phê duyệt bồi thường về cây số tiền 23.351.000 đồng (trong tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ông C được phê duyệt là 358.842.258 đồng), anh H và anh H1 không được phê duyệt tiền bồi thường về cây cối.

Từ năm 2008 đến năm 2011, Ban quản lý dự án công trình giao thông 2 - Sở G đã có thông báo để chi trả tiền cho gia đình ông C nhưng gia đình ông C không nhận. Đến năm 2012, ông C mới nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, thưởng giải phóng mặt bằng, tổng số tiền là 606.378.692 đồng, trong đó có tiền bồi thường về cây cối 23.351.000 đồng. Trong quá trình thực hiện kiểm đếm để lập, phê duyệt, chi trả và khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ Ban Q và Hội đồng bồi thường GPMB huyện T không nhận được ý kiến không đồng ý của hộ gia đình ông C về việc bồi thường cây trồng trên đất. Việc hộ gia đình ông C năm 2012 mới nhận tiền bồi thường về cây trồng là do gia đình ông C không đến nhận tiền, không phải do Nhà nước không thực hiện chi trả.

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì mức bồi thường, hỗ trợ (di chuyển, chặt hạ) đối với cây hàng năm được tính bằng giá trị sản lượng

của vụ thu hoạch đó; mức bồi thường đối với cây lâu năm được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây (không bao hàm giá trị quyền sử dụng đất) theo đơn giá của địa phương thời điểm thu hồi đất. UBND tỉnh V đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó đơn giá tính bồi thường cây trồng khi thu hồi đất của ông Nguyễn Văn C theo đơn giá tại Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh V về ban hành quy định thực hiện bồi thường, đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Như vậy, ngày 11/9/2008 UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 3283/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Việc bà T và ông C đề nghị bồi thường cây cối hoa màu trên diện tích đất bị thu hồi theo sự tăng trưởng độ lớn của cây do được gia đình chăm sóc từ năm 2008 đến năm 2012 là không có cơ sở nên không có căn cứ hủy Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 của UBND tỉnh V (phần liên quan đến bồi thường cây cối khi thu hồi đất).

[2.3.2]. Xét yêu cầu hủy một phần Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012; Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của người khởi kiện.

Người khởi kiện cho rằng thời điểm năm 2008 khi Nhà nước thu hồi đất anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 đã tách hộ gia đình riêng, hàng năm có nộp tiền thuế đất nhưng anh H và anh H1 không được hỗ trợ các khoản tiền thuê nhà, tiền thưởng di chuyển nhà, tiền lương ăn; anh H1 không được hỗ trợ khoản tiền chuyển nhà là không đúng. Xét thấy:

Về chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (thời điểm từ năm 2008 đến tháng 10/2012) được quy định tại Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 và được thay thế tại Quyết định số 18/2009/QĐ-UBND ngày 01/4/2009; Quyết định số 59/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 và Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh V ban hành quy định thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, cụ thể:

- Tại Điều 17, Mục 3 Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh V ban hành quy định thực hiện bồi thường, đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

"1. Hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở trong phạm vi 3km hỗ trợ: 3.000.000đ/hộ; ngoài phạm vi 3km hỗ trợ: 4.000.000/hộ; di chuyển sang tỉnh khác hỗ trợ: 5.000.000đ/hộ.

3. Người bị thu hồi đất ở, không có chỗ ở khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong 06 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/hộ".

- Tại Điều 23, Mục 3 Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, quy định:

“1. Hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở trong phạm vi 3km được hỗ trợ: 4.000.000đ/hộ; di chuyển trên 3km được hỗ trợ: 5.000.000đ/hộ...”

3. Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong 06 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/hộ...”

5. Trường hợp tái định cư tại chỗ (không phải di chuyển sang nơi ở khác) nhưng phải tháo dỡ toàn bộ nhà ở chính thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hoặc làm nhà tạm trong 06 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/hộ”.

- Tại Điều 26, Mục 3 Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp, đất vườn ao không được công nhận là đất ở: *“Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở... thì ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 40% giá đất ở của thửa đất đó. Diện tích hỗ trợ không quá 03 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương”.*

- Tại Điều 28, Mục 3 Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường và giao đất cho các dự án theo đúng thời gian và kế hoạch thì được hỗ trợ bằng hình thức thưởng giải phóng nhanh mặt bằng nhanh theo quy định....”.*

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án đường C - Lào Cai, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành một số văn bản để tháo gỡ, giải quyết một số nội dung như: Văn bản số 5368/UBND-NC1 ngày 16/12/2011; Văn bản số 2841/UBND - NC1 ngày 13/7/2012; Văn bản số 5566/UBND-NC1 ngày 28/02/2012; Văn bản số 417/UBND-NC1 ngày 21/02/2012; Văn bản số 315/UBND-NC1 ngày 15/02/2012; Văn bản số 1943/UBND- NC1 ngày 25/5/2012; Văn bản số 1938/UBND-CN1 ngày 25/5/2012...; trong đó tại Văn bản số 417/UBND-NC1 ngày 21/02/2012 quy định: *“Đối với các hộ đã tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc diện được giao đất tái định cư nhưng đang ở chung nhà với bố mẹ, UBND tỉnh đồng ý cho tiền hỗ trợ thuê nhà ở như đối với các hộ khác, nhưng không được hưởng hỗ trợ di chuyển nhà ở (vì không có nhà riêng)”.*

Về việc kiểm kê nhà trên đất thu hồi của ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1:

- Trong Sổ hộ khẩu số 630008971 ngày 01/7/2007 của hộ gia đình bà T thể hiện: Chủ hộ là ông Nguyễn Văn C, vợ là bà Nguyễn Thị T, con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Khắc Đ2.

Xác minh tại Công an xã K xác định: Năm 2007, Công an xã K đăng ký thường trú cho hộ ông Nguyễn Văn C tại sổ đăng ký thường trú số 01, tờ số 71 gồm: Chủ hộ là ông Nguyễn Văn C, vợ là bà Nguyễn Thị T và 04 người con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Khắc Đ2; đến ngày 10/12/2010, hộ ông C xin tách hộ cho con trai đầu là Nguyễn Quang H là chủ hộ tại sổ đăng ký thường trú số 03, tờ số 01; đến ngày 07/10/2016, hộ ông C xin tách hộ cho con trai thứ 2 là Nguyễn Quốc H1 chủ hộ tại sổ đăng ký thường trú số 03, tờ số 47.

- Về nhà trên đất bị thu hồi: Đối với chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn C: Tại bản Kế khai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn C (do chủ sử dụng đất tự kê khai theo mẫu DMS-01) và trong Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi và các thông tin phù hợp khác của chủ hộ đối với chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn C (do hội đồng bồi thường thực hiện theo mẫu DMS-02) có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn C, thể hiện: Trên diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Văn C có 01 nhà cấp 4 (01 tầng, mái ngói, tường xây gạch chỉ) và 01 nhà cấp 4 (01 tầng).

Đối với chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang H và Nguyễn Quốc H1: Tại bản Kế khai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bị thu hồi của chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 (do chủ sử dụng đất tự kê khai theo mẫu DMS-01) và trong Biên bản phối hợp kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi và các thông tin phù hợp khác của chủ hộ đối với chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 (do Hội đồng bồi thường thực hiện theo mẫu DMS-02) có chữ ký xác nhận của anh H và anh H1, thể hiện trên diện tích đất bị thu hồi của anh H và anh H1 không có nhà. Giấy ủy quyền ngày 10/8/2015 của anh H và anh H1 thể hiện: Năm 2008, anh H và anh H1 chưa lập gia đình. Bố mẹ anh H1, anh H là ông C, bà T đã làm nhà và một số hoa màu khác trên đất của anh H1. Anh H và anh H1 uỷ quyền cho bố mẹ được toàn quyền sử dụng và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định của pháp luật.

- Các khoản hỗ trợ và việc chi trả các khoản tiền hỗ trợ được phê duyệt trong các phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông C, anh H và anh H1: UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các hộ gia đình, cá nhân khi thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó:

+ Đối với hộ ông Nguyễn Văn C: Căn cứ các quyết định phê duyệt, từ năm 2008 đến năm 2011, BQLDACTGT 2 đã có thông báo để chi trả tiền cho gia đình ông C nhưng gia đình ông C không nhận; đến năm 2012, ông Nguyễn Văn C đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, thưởng giải phóng mặt bằng tổng số tiền là 606.378.692

đồng, (*Phiếu chi số VT1- 038 ngày 01/3/2012 ông C nhận 600.378.692 đồng; Phiếu chi số VT1- 004 ngày 01/3/2012 ông C nhận 6.000.000 đồng*), trong đó có tiền bồi thường về cây cối 23.351.000 đồng.

+ Đối với hộ anh Nguyễn Quang H được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 60.100.000 đồng, trong đó tiền hỗ trợ là 21.100.000 đồng, gồm các khoản: Tiền thuê nhà 12.000.000 đồng (Quyết định số 723/QĐ- UBND ngày 27/3/2012 của UBND tỉnh); tiền thưởng GPMB nhanh 1.600.000 đồng (Quyết định số 3283/QĐ- UBND ngày 11/9/2008 của UBND tỉnh); tiền giếng khoan 7.500.000 đồng (Quyết định số 2515/QĐ- UBND ngày 11/9/2008 của UBND tỉnh); anh H không được hỗ trợ các khoản tiền di chuyển và thưởng di chuyển nhà. Năm 2012 anh H đã nhận 54.600.000 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ (*Phiếu chi số VT1-010 ngày 01/9/2011, số tiền 42.600.000 đồng và Phiếu Chi số VT1-017 ngày 15/3/2012, số tiền 12.000.000 đồng*) trong đó đã bao gồm khoản tiền hỗ trợ được duyệt nêu trên.

+ Đối với hộ anh Nguyễn Quốc H1 được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 104.793.673 đồng, trong đó tiền hỗ trợ là 28.830.000 đồng gồm các khoản: Tiền di chuyển 4.000.000 đồng (Quyết định số 459/QĐ- UBND ngày 21/02/2012 của UBND tỉnh); tiền thuê nhà 12.000.000 đồng (gồm Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012 của UBND tỉnh: 12.000.000 đồng, Quyết định số 723/QĐ-UBND, ngày 27/3/2012 của UBND tỉnh: 12.000.000 đồng và Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh thu hồi lại 12.000.000 đồng); tiền thưởng di chuyển nhà 2.000.000 đồng (Quyết định số 459/QĐ-UBND, ngày 21/02/2012 của UBND tỉnh), tiền thưởng GPMB nhanh 3.330.000 đồng (Quyết định số 3283/QĐ- UBND ngày 11/9/2008 của UBND tỉnh); tiền giếng khoan 7.500.000 đồng (Quyết định số 2515/ QĐ-UBND ngày 11/9/2008 của UBND tỉnh). Năm 2012, bà Nguyễn Thị T thay anh H1 đã nhận 93.993.637 đồng (*Phiếu chi số VT1-016 ngày 01/3/2012*) trong đó đã bao gồm khoản tiền hỗ trợ được duyệt nêu trên.

Như vậy, thời điểm UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất của ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Quang H (năm 2008) và anh Nguyễn Quốc H1 (năm 2011), anh H và anh H1 tuy đã được ông C và bà T cho đất và tách quyền sử dụng đất từ năm 2007 nhưng chưa tách hộ khẩu và thuộc nhân khẩu trong sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Văn C là chủ hộ. Nhà nước đã hỗ trợ cho ông C, anh H1 và anh H đảm bảo đúng chế độ, chính sách theo quy định, đã vận dụng theo hướng có lợi cho công dân (trên đất thu hồi của ông C có 02 ngôi nhà, trong đó vận dụng tính 01 nhà trên đất thu hồi của anh H1 để phê duyệt hỗ trợ cho anh H1 tiền di chuyển nhà và tiền thưởng di chuyển nhà); đối với trường hợp anh H không được hỗ trợ tiền di chuyển nhà và tiền thưởng di chuyển nhà là do thời điểm thu hồi đất trên diện tích đất bị thu hồi không có nhà ở nên không được hỗ

trợ. Do vậy không có căn cứ để nhà nước hỗ trợ thêm các khoản tiền cho anh H và anh H1 khi thu hồi đất để GPMB thực hiện dự án đường C - Lào Cai.

Như vậy, việc UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012, Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/06/2015 là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục; nội dung của các quyết định là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T, anh H và anh H1 về việc đề nghị hủy một phần các quyết định nêu trên của UBND tỉnh V.

[2.4]. Xét yêu cầu hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh V số 3195/QĐ-UBND; Quyết định số 3196/QĐ-UBND và Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/12/2020.

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Bà Nguyễn Thị T được anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1 ủy quyền đã nhiều lần khiếu nại Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông C; các Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 11/9/2008, Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/02/2012 và Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh V về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để GPMB khi thu hồi đất của ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1. Ngày 12/10/2020, Chủ tịch UBND tỉnh V đã thụ lý đơn khiếu nại của bà T và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, đối thoại với bà Nguyễn Thị T. Ngày 18/12/2020, Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 3195/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Nguyễn Quang H (lần đầu); Quyết định số 3196/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Nguyễn Quốc H1 (lần đầu) và Quyết định số 3197/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung các quyết định: Căn cứ Luật khiếu nại, kết quả xác minh, đối thoại và hồ sơ tài liệu liên quan: Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại số 3195/QĐ-UBND, 3196/QĐ-UBND, 3197/QĐ-UBND đối với ông Nguyễn Văn C, Anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Từ các phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, điểm a khoản 2 Điều 225, Điều 229 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Quốc H1.

2. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0000847, 0000848, 0000849 ngày 13/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quốc H1 đã nộp đủ tiền án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải